TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2019/DS-PT
Ngày: 24 – 01 - 2019
V/v: *"* Tranh chấp quyền sử dụng đất "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc.

Ông Nguyễn Thành Mới.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích – kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 24 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:54/2018/TLPT-DS ngày 28/3/2018 về việc:"Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:08/2018/DS-ST, ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TBbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 327/2018/QĐ-PT ngày 27/12/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Đặng Tâm N1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Uỷ quyền cho bà Nguyễn Lâm Hồng P1 làm đại diện.

2. *Bị đơn*:

2.1. Ông Nguyễn Văn R1, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

2.2. Cụ Nguyễn Văn N2, sinh năm 1927 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn R2 làm đại diện (Vắng mặt).

2.3. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp 8, xã TA, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long.

Uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn R1 làm đại diện.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1.Ông Đặng Hoàng H1, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Ông Đặng Văn N3, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

3.3. Ông Đặng Văn N4, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

3.4. Ông Đặng Thế P2, sinh năm 1960

Địa chỉ: đường 30/4 phường HL, quận NK, thành Phố Cần Thơ.

3.5. Ông Đặng Hồng H2, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp 3, xã TH, huyện CĐ, thành Phố Cần Thơ.

3.6. Bà Đặng Thị L1, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự H1, N3, N4, P2, H2, L1 ủy quyền cho ông Đặng Tâm N1 làm đại diện.

3.7. Chị Nguyễn Lâm Hồng P1, sinh năm 1980

3.8. Bà Lê Thị Cẩm V, sinh năm 1970

Đại diện theo ủy quyền là: Ông Nguyễn Văn R1, sinh năm 1967

3.9. Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1989 (có đơn vắng mặt)

3.10. Anh Nguyễn Hữu P2, sinh năm 1997 (có đơn vắng mặt)

3.11. Bà Huỳnh Kim H3, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

3.12. Chị Nguyễn Thị Kim N5, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

3.13. Chị Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

3.14. Ông Nguyễn Văn R2, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

3.15. Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

3.16. Chị Nguyễn Kim M2, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp 8, xã TAL, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long.

3.17. Cụ Phan Thị C, sinh năm 1937 (chết)

* Người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của cụ Phan Thị Clà:

3.17.1. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

3.17.2. Bà Nguyễn Thị R3, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

3.17.3. Bà Nguyễn Thị Chính E, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

3.17.4. Ông Nguyễn Văn R1, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

3.17.5. Ông Nguyễn Văn R2, sinh năm 1969

3.17.6. Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1963 (đã chết)

* Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn H4 là:

3.17.6.1 Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

3.17.6.2. Chị Nguyễn Thu H5, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

3.17.7. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp 8, xã TAL, huyện VL, Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn R1, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Ông Đặng Tâm N1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là ông Đặng Tâm N1 có bà Nguyễn Lâm Hồng P1 là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Phần đất tranh chấp tại các thửa số 58, diện tích 3.830m^2, loại đất thổ quả; thửa 56, diện tích 2.250m^2, loại đất ruộng; thửa 55, diện tích 11.090m^2, loại đất ruộng; thửa số 57, diện tích 1.420m^2, loại đất màu; thửa số 49, diện tích 2.340m^2, loại đất ruộng, do ông Đặng Văn H6 (chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay đang do anh Đặng Tâm N1 trực tiếp canh tác và sử dụng, các phần đất toạ lạc tại ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Liền kề với đất của ông N1là đất của ông R1, ông N2 và bà M1.

Trong quá trình sử dụng ông N1 cho rằng phía cụ Nguyễn Văn N2, ông Nguyễn Văn R1, bà Nguyễn Thị M1 lấn qua phần đất của ông N1.

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp vào khoảng năm 2003 do ông R1, ông R2 dùng tre cắm và đổ đất lên ngay phần ranh giữa hai bên. Phần ranh từ trước đến nay là ranh thẳng, cây trồng trên ranh đất có từ trước.

Nay ông N1 có bà P1 làm đại diện theo ủy quyền yêu cầu, ông R1, ông N2 và bà M1 trả lại phần đất lấn chiếm.

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn R1 trình bày như sau: Ông có phần đất thửa số 57, diện tích 320m^2, loại đất thổ - vườn.

Ông R1 xác định ông không có lấn ranh đất của ông N1, nên ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông N1.

Riêng phần cây trồng trên ranh tranh chấp nếu phần đất thuộc về của ai thì người đó sử dụng không yêu cầu ai hoàn lại giá trị.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị M1 có ông Nguyễn Văn R1 là đại diện theo ủy quyền trình bày như sau: Bà M1 có phần đất thuộc thửa số 64, diện tích 2.450m^2, loại đất ruộng. liền kề với đất của bà M1 là đất của ông N1. Trong quá trình canh tác bà M1 không có lấn ranh đất của ông N1. Nên bà M1 không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông N1.

Hiện nay phần đất này do ông R1 đang trực tiếp quản lý canh tác vì bà M1 đã bán cho ông R1.

- Bị đơn là cụ Nguyễn Văn N2 có ông Nguyễn Văn R2 là đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông N2 có các phần đất như sau:

+ Tại thửa số 61, diện tích 6.270m^2, loại đất ruộng.

+ Tại thửa số 62 , diện tích 4.670m^2, loại đất ruộng.

+ Tại thửa số 63 , diện tích 8.520m^2, loại đất ruộng.

Hiện nay các phần đất này do ông Ràng đang trực tiếp quản lý canh tác.

Nay phía ông N1 có bà P1 là đại diện theo ủy quyền cho rằng ông N2 lấn ranh và yêu cầu ông N2 trả đất lấn chiếm thì ông N2 không đồng ý.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:

1/ Ông Đặng Tâm N1 là đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Hoàng H1, ông Đặng Văn N3, ông Đặng Văn N4, ông Đặng Thế P2, ông Đặng Hồng H2, bà Đặng Thị L1 đều thống nhất theo lời trình bày của chị P1 và không có yêu cầu gì thêm.

2/ Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Cẩm V là ông Nguyễn Văn R1: thống nhất theo lời trình bày của ông R1 và không có yêu cầu gì thêm.

3/ Anh Nguyễn Hữu T1, anh Nguyễn Hữu P2, bà Huỳnh Kim H3, chị Nguyễn Thị Kim N5, chị Nguyễn Thị Kim X, anh Nguyễn Quốc D, chị Nguyễn Kim M2, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị R3, bà Nguyễn Thị Chính E, bà Nguyễn Thị T2, chị Nguyễn Thu H5 không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DSST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện TB đã xử:

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, các điểm a và c khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 về án phí, lệ phí của Tòa án và điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012;

1**.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Tâm N1 về việc yêu cầu về việc yêu cầu cụ N2 trả lại phần diện tích lấn ranh diện tích là 1.183,6m^2 thuộc các thửa chiết cũ 58 (thửa mới 31 – 3) + thửa cũ 57 – 2 (thửa mới 31 – 1) + thửa cũ 57 – 1 (thửa mới 55 – 2) + thửa cũ 55 – 3 (thửa mới 55 – 1) + thửa cũ 55 – 2 (thửa mới 29 – 2) + thửa cũ 55 – 1 (thửa mới 14 – 2).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Tâm N1 về việc yêu cầu ông R1 trả lại phần diện tích lấn ranh diện tích là 114,6m^2 thuộc chiết thửa cũ 58 (thửa mới 31 – 3).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Tâm N1 về việc yêu cầu bà M2 trả lại phần diện tích lấn ranh diện tích là 105,7m^2 thuộc thửa cũ 55 – 1 (thửa mới 14 – 2).

Tổng diện tích là 1.403,9m^2, đất tọa lạc tại ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

4. Công nhận phần diện tích 86,4m^2 tranh chấp giữa ông Đặng Tâm N1 với ông Nguyễn Văn R1 thuộc ông Nguyễn Văn R1 gồm các đoạn như sau: 25 – 26 – 27 – 32 – 31 – 28 - 25 diện tích: 86,4m^2 thuộc các thửa cũ 57 (thửa mới 58 -2) + thửa cũ 61 – 5 (thửa mới 58 – 1), có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp thửa 38
- Hướng Nam đường đá
- Hướng Đông giáp thửa 31 - 3
- Hướng Tây giáp thửa 38

***** Công nhận phần diện tích 28,2m^2 tranh chấp giữa ông Đặng Tâm N1 với ông Nguyễn Văn R1 thuộc ông Nguyễn Văn R1 gồm các đoạn như sau: 33 – 34 – 37 – 38 – 33 diện tích: 28,2m^2 thuộc các thửa cũ 61 - 3 (thửa mới 34), có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp thửa 38
- Hướng Nam đường đá
- Hướng Đông giáp thửa 31 - 3
- Hướng Tây giáp thửa 38

5**.** Công nhận phần diện tích 136m^2 tranh chấp giữa ông Đặng Tâm N1 với ông Nguyễn Văn R1thuộc cụ Nguyễn Văn N2 gồm các 38), có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp thửa 34
- Hướng Nam giáp thửa 58 - 1

- Hướng Đông giáp thửa 31 - 3

- Hướng Tây giáp thửa 38

* Công nhận phần diện tích 1.047,6m^2 tranh chấp giữa ông Đặng Tâm N1 với cụ Nguyễn Văn N2 thuộc cụ Nguyễn Văn N2 gồm các đoạn như sau: 37 – 38 – 39 – 45 – 55 – 58 – 67 – 68 – 72 – 71 – 69 – 66 – 59 – 54 – 46 – 40 – 37 diện tích: 1.047,6m^2 thuộc các thửa cũ 61 – 4 (thửa mới 38) + thửa cũ 61 – 3 (thửa mới 34) + thửa cũ 61 – 1 (thửa mới 8 – 2) + thửa cũ 63 (thửa mới 38 – 2), có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp thửa 38 - 1

- Hướng Nam giáp thửa 34

- Hướng Đông giáp thửa 31 – 3; thửa 31 – 1; thửa 55 – 2; thửa 55 – 1; thửa 29 – 2; thửa 14 - 2

- Hướng Tây giáp thửa 38; thửa 34; thửa 8 – 2; thửa 38 – 2.

6. Công nhận phần diện tích 105,7m^2 tranh chấp giữa ông Đặng Tâm N1 với bà Nguyễn Thị M1 thuộc bà Nguyễn Thị M1 gồm các đoạn như sau: 71 – 72 – 73 – 12 – 13 – 74 – 71 diện tích: 105,7m^2 thuộc các thửa cũ 64 - 2 (thửa mới 38 - 1) + thửa cũ 64 – 1 (thửa mới 2), có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp đường đất

- Hướng Nam giáp thửa 38 – 2

- Hướng Đông giáp thửa 14 - 2

- Hướng Tây giáp thửa 2; thửa 38 - 1

(Đính kèm bản photo trích đo bản đồ địa chính khu đất)

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Riêng phần cây trồng trên ranh tranh chấp nếu phần đất thuộc về của ai thì người đó sử dụng không yêu cầu ai hoàn lại giá trị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/02/2018 nguyên đơn Đặng Tâm N1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh xét xử lại vụ án theo biên bản hòa giải ngày 10/3/2011.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Lâm Hồng P1 đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Tâm N1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Nguyễn Lâm Hồng P1g yêu cầu ông Nguyễn Văn N2, ông Nguyễn Văn R2g, ông Nguyễn Văn R1 và bà Nguyễn Thị M1 trả lại cho ông Đặng Tâm N1 phần đất đã lấn ranh theo kết quả đo đạc của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long là 889,4m^2 đất. Ngoài ra bà P1 không có yêu cầu gì khác.

Ông Đặng Tâm N1 đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Hoàng H1, ông Đặng Văn N3, ông Đặng Văn N4 ,ông Đặng Thế P2, ông Đặng Hồng H2, bà Đặng Thị L1thống nhất theo lời trình bày của bà P1, không có yêu cầu gì thêm.

Ông Nguyễn Văn R1 là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M1 không đồng ý theo yêu cầu của ông Đặng Tâm N1. Ông Nguyễn Văn R1 trình bày là ông R1, ông N2 và bà M1 không có lấn đất của ông N1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của ông Đặng Tâm N1là có căn cứ để chấp nhận; Bởi lẽ, Căn cứ vào trích đo bản đồ khu đất ngày 05/12/2018 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long thì phần đất tranh chấp có diện tích 889,4m^2 do ông Đặng Văn H6 cha của ông Đặng Tâm N1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó có căn cứ xác định ông R1, ông N2 và Bà M1 sử dụng đất lấn sang đất của ông Đặng Tâm N1. Do đó chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Tâm N1, sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Tâm N1. Các đương sự phải chịu chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật. Ông Đặng Tâm N1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

[1] Về tố tụng: Án sơ thẩm xử ngày 07/02/2018, ngày 09/02/2018 ông Đặng Tâm N1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của ông Đặng Tâm N1 còn trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí đầy đủ, nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ, nên xét xử vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Đặng Tâm N1 là có cơ sở chấp nhận; Bởi lẽ, Ông Nguyễn Văn H6 là cha ruột của ông Đặng Tâm N1, ông Đặng Hoàng H1, ông Đặng Văn N3, ông Đặng Văn N4 ,ông Đặng Thế P2, ông Đặng Hồng H2, bà Đặng Thị L1 có các thửa đất gồm thửa đất số 58, diện tích 3.830m^2, loại đất thổ quả; thửa 56, diện tích 2.250m^2, loại đất ruộng; thửa 55, diện tích 11.090m^2, loại đất ruộng; thửa số 57, diện tích 1.420m^2, loại đất màu; thửa số 49, diện tích 2.340m^2, loại đất ruộng, toạ lạc tại ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Ông Đặng Văn H6 qua đời các thửa đất nêu trên do ông Đặng Tâm N1 quản lý sử dụng. Liền kề với các thửa đất của ông H6 là đất của ông Nguyễn Văn R1, ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị M1. Trong quá trình sử dụng ông N1 cho rằng ông Rở, ông N2 và bà M1lấn sang đất của ông N1, nên xảy ra tranh chấp. Phía ông R1và ông R2 trình bày là ông R1, ông N2 và bà M1 không có lấn

ranh đất của ông N1. Ranh đất giữa hai bên đã sử dụng ổn định trên 30 năm, nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông N1.

[3] Tại trích đo bản đồ khu đất ngày 05/12/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long xác định phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn có diện tích là 889,4m^2 , phần đất này do ông Đặng Văn H6 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó;

- Thửa số 64, tư liệu CTĐ tờ số 1, diện tích 2176,1 m², có 72,0 m² tranh chấp với nguyên đơn ông Đặng Tâm N1.

- Thửa số 62 (GCN QSDĐ ghi thửa số 63), tư liệu CTĐ tờ số 1, diện tích 10042,2 m²,có 513,6 m² tranh chấp với nguyên đơn ông Đặng Tâm N1.

- Thửa số 61 (GCN QSDĐ ghi thửa số 62), tư liệu CTĐ tờ số 1, diện tích 4502,3 m², không tranh chấp.

- Thửa số 58 (GCN QSDĐ ghi thửa số 61), tư liệu CTĐ tờ số 1, diện tích 6904,3 m²,có 277,4 m² tranh chấp với nguyên đơn ông Đặng Tâm N1.

- Thửa số 57, tư liệu CTĐ tờ số 1, diện tích 417,2 m², có 26,4 m² tranh chấp với nguyên đơn ông Đặng Tâm N1.

[4] Từ đó cho thấy bà M1 lấn đất ông N1 diện tích đất là 72m^2; ông N2 lấn sang đất của ông N1 diện tích 791m^2 và ông Nguyễn Văn R1 lấn sang đất của ông N1 diện tích là 26,4m^2. Án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Tâm N1 là không có căn cứ. Do đó chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Tâm N1, sửa án sơ thẩm, buộc phía bị đơn trả đất lấn chiếm cho nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Hiện nay thửa đất số 64 của bà M1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông R1 quản lý sử dụng, nên buộc bà M1 cùng các con là Nguyễn Quốc D, Nguyễn Kim M2 và ông R1 liên đới trả cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn H6 72m^2 đất.

Thửa đất số 61, 62 và 63 của ông Nguyễn Văn N2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn R2 quản lý sử dụng. Do đất này là tài sản chung của ông N2và bà C2. Do bà C2 đã chết nên buộc ông R1, ông R2, bà T2, bà R3, bà L2, bà Chính E, bà M1 cùng chị Nguyễn Thị H5, Nguyễn Thị T2(vợ và con ông H4, ông H4 là con ông N2 đã chết) liên đới trả cho các đồng thừa kế của ông H6 phần đất lấn chiếm là 791m^2.

Thửa đất số 57 do ông Nguyễn Văn R1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là tài sản chung của hộ gia đình ông R1, nên buộc ông 1, bà Cẩm V, anh T1 và anh P2 liên đới trả cho các đồng thừa kế của ông H6 diện tích đất lấn chiến là 26,4m^2.

[6] Trong vụ án này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm các vấn đề sau: Án sơ thẩm xác định bị đơn là ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị M1 là bị đơn trong khi ông Nghiệm khởi kiện ông Nguyễn Văn R1và Nguyễn Văn R2, lẽ ra cấp sơ thẩm cần giải

thích hướng dẫn cho nguyên đơn sửa chữa bổ sung đổi đơn khởi kiện lại cho phù hợp. Mặt khác án sơ thẩm dùng phương pháp đo vẽ toán học "ranh đất là đường thẳng" để giải quyết là không phù hợp, nên cũng cần rút kinh nghiệm.

Do sửa án sơ thẩm, nên về chi phí thẩm định và án phí sơ thẩm cũng được xem xét lại theo quy định của pháp luật. Buộc bị đơn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi phí thẩm định cấp sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu 50%. Chi phí thẩm định ở cấp phúc thẩm bị đơn phải chịu toàn bộ.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bởi các nhận xét trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Tâm N1. Sửa bản án sơ thẩm số 08/2018/DSST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện TB.

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, các điểm a và c khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 161, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 về án phí, lệ phí của Tòa án và điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Tâm N1 có bà Nguyễn Lâm Hồng P1 làm đại diện.

1.1/ Buộc ông Nguyễn Văn R1, bà Lê Thị Cẩm V, anh Nguyễn Hữu T1 và anh Nguyễn Hữu P2 liên đới trả cho ông Đặng Tâm N1, ông Đặng Hoàng H1, ông Đặng Văn N3, ông Đặng Văn N4, ông Đặng Thế P2, ông Đặng Hồng H2 và bà Đặng Thị L1 phần đất có diện tích 26,4m^2 .

1.2/ Buộc ông Nguyễn Văn N2, ông Nguyễn Văn R1, ông Nguyễn Văn R2, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị R3, bà Nguyễn Thị Chính E, Nguyễn Thị M1 cùng chị Nguyễn Thị H5, Nguyễn Thị T2 (vợ và con ông H4, ông H4 là con ông N2 đã chết) liên đới trả cho ông Đặng Tâm N1, ông Đặng Hoàng H1, ông Đặng Văn N3, ông Đặng Văn N4, ông Đặng Thế P2, ông Đặng Hồng H2 và bà Đặng Thị L1 phần đất lấn chiếm có diện tích là 791m^2.

1.3/ Buộc ông Nguyễn Văn R1, bà Nguyễn Thị M1 cùng các con là Nguyễn Quốc Dd, Nguyễn Kim M2 liên đới trả cho ông Đặng Tâm N1, ông Đặng Hoàng H1, ông Đặng Văn N3, ông Đặng Văn N4, ông Đặng Thế P2, ông Đặng Hồng H2 và bà Đặng Thị L1 phần đất lấn chiếm có diện tích 72 m^2 .

Tất cả các phần đất nêu trên đều tọa lạc tại ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 05/12/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn R1, ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị M1mỗi người nộp 200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Đặng Tâm N1 637.500^đ (*Sáu trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số No 028869 ngày 15/10/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TB.

3/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Tâm N1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả ông Đặng Tâm N1 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0010684 ngày 09/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TB.

3/ Về chi phí thẩm định cấp sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn N2, ông Nguyễn Văn R1 và bà Nguyễn Thị M1 liên đới nộp 11.483.000đ (Mười một triệu, bốn trăm tám mươi ba ngàn đồng) tiền chi phí thẩm định để hoàn trả ông Đặng Tâm N1 do ông Đặng Tâm N1 đã nộp tạm ứng trước. Buộc ông Đặng Tâm N1 nộp 11.483.200đ (Mười một triệu, bốn trăm tám mươi ba ngàn hai trăm đồng) tiền chi phí thẩm định và ông N1 đã nộp xong.

4/ Về chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn N2, ông Nguyễn Văn R1 và bà Nguyễn Thị M1 liên đới nộp 16.900.000đ (Mười sáu triệu chín trăm ngàn đồng) tiền chi phí thẩm định để hoàn trả ông Đặng Tâm N1 do ông Đặng Tâm N1 đã nộp tạm ứng trước. Hoàn trả ông Đặng Tâm N1 8.100.000đ (Tám triệu một trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng chi phí thẩm định còn thừa và đã hoàn trả xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01b;
- TNV: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02b;
- TAND H TB: 01b;
- VKSND H TB:01b;
- CCTHADS H TB:01b;
- Các đương sự: 30b;
- Lưu: 04b./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lộc